

VẤN ĐỀ HAI HAY NHIỀU QUỐC TỊCH TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT CỦA CÁC QUỐC GIA

TS. NGUYỄN THANH LONG *

ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN **

Quốc tịch là mối quan hệ pháp lí hai chiều được xác lập giữa cá nhân với quốc gia nhất định. Trong xã hội hiện đại, quốc tịch là căn cứ pháp lí duy nhất để xác định ai là công dân của một quốc gia và trên cơ sở đó làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ qua lại giữa nhà nước và công dân. Hiện nay, đa số các quốc gia trong quan hệ quốc tế đều thừa nhận nguyên tắc công dân quốc gia mang một quốc tịch là quốc tịch của quốc gia (nguyên tắc một quốc tịch). Tuy nhiên, trên thực tế vẫn xuất hiện tình trạng công dân của quốc gia đồng thời mang hai hay nhiều quốc tịch. Trong khoa học luật quốc tế, hai hay nhiều quốc tịch (Dual or Plural Nationality) được hiểu là tình trạng pháp lí của một người cùng lúc mang hai hay nhiều quốc tịch của các quốc gia khác nhau. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể là:

- Xuất phát từ chủ quyền quốc gia đối với dân cư đồng thời dựa trên các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đặc thù của mình mà các quốc gia có thể có các quy định khác nhau về cách thức hưởng và mất quốc tịch của quốc gia. Sự khác biệt này là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng hai hay nhiều quốc tịch. Chẳng hạn, một đứa trẻ khi sinh ra sẽ có hai quốc tịch nếu như cha

mẹ đứa trẻ mang quốc tịch của quốc gia xác định quốc tịch gốc dựa trên nguyên tắc quyền huyết thống (Jus Sanguinis) đồng thời đứa trẻ đó lại được sinh ra trên lãnh thổ của quốc gia xác định quốc tịch gốc dựa trên nguyên tắc quyền nơi sinh (Jus Soli).

- Khi cá nhân đã xin gia nhập quốc tịch nước ngoài nhưng chưa xin thôi quốc tịch gốc hoặc quốc tịch gốc không đương nhiên chấm dứt.

- Khi cá nhân được hưởng thêm quốc tịch mới do kết hôn hoặc được nhận làm con nuôi người nước ngoài hoặc được quốc gia nước ngoài tặng thưởng quốc tịch do những công lao đóng góp của cá nhân đó đối với quốc gia thưởng quốc tịch.

Hai hay nhiều quốc tịch là tình trạng pháp lí hết sức đặc biệt, bởi lẽ quốc tịch là mối quan hệ pháp lí hai chiều được xác lập giữa cá nhân với quốc gia nhất định. Khác với các công dân bình thường, người hai hay nhiều quốc tịch xác lập mối quan hệ pháp lí với không chỉ một quốc gia mà với hai hay nhiều quốc gia. Điều đó đồng nghĩa với việc họ sẽ là công dân của các quốc gia đó và có

* Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

** Giảng viên Khoa luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ công dân trong mối quan hệ với các quốc gia mà họ mang quốc tịch.

Trong thực tiễn quan hệ quốc tế, vấn đề người hai hay nhiều quốc tịch đã gây ra những khó khăn không nhỏ cho các quốc gia trong việc thực hiện chủ quyền quốc gia đối với dân cư, thậm chí còn gây phức tạp trong quan hệ hợp tác quốc tế về dân cư, chẳng hạn như tranh chấp về thẩm quyền bảo hộ công dân giữa các quốc gia; lựa chọn luật áp dụng để giải quyết các quan hệ về dân sự, hôn nhân gia đình có liên quan đến người hai hay nhiều quốc tịch, đặc biệt trong trường hợp áp dụng nguyên tắc “luật quốc tịch” để chọn luật.

Do tình trạng pháp lí đặc biệt của người hai hay nhiều quốc tịch nên trong pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của các quốc gia đều quan tâm giải quyết vấn đề này. Hiện nay, các quốc gia đã kí kết một số điều ước quốc tế đa phương về vấn đề quốc tịch như Định ước cuối cùng của Hội nghị La Haye năm 1930, Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột luật quốc tịch,⁽¹⁾ Công ước năm 1963 về việc giảm các trường hợp nhiều quốc tịch và về nghĩa vụ quân sự trong trường hợp nhiều quốc tịch,⁽²⁾ Công ước châu Âu năm 1997 về quốc tịch⁽³⁾...

Định ước cuối cùng của Hội nghị La Haye năm 1930 ghi nhận: Mỗi quốc gia, trong khi thi hành quyền lực của mình để quy định những vấn đề về quốc tịch nên cố gắng làm giảm, càng nhiều càng tốt những trường hợp hai quốc tịch. Hội nghị La Haye

năm 1930 cũng khuyến nghị rằng trong trường hợp người khi sinh ra có hai hay nhiều quốc tịch, các quốc gia nên có những quy định pháp luật để người đó dễ dàng từ bỏ quốc tịch của quốc gia mà người đó không cư trú và không bắt buộc sự từ bỏ này phải lệ thuộc vào những điều kiện không cần thiết. Các quốc gia nên áp dụng nguyên tắc việc nhập quốc tịch nước ngoài sẽ dẫn đến việc mất quốc tịch gốc.

Mặc dù, nội dung Định ước cuối cùng của Hội nghị La Haye năm 1930 chủ yếu mới chỉ dừng lại ở những khuyến nghị, đề xuất chứ chưa xác lập các nghĩa vụ mang tính bắt buộc các quốc gia phải đưa vào trong pháp luật của mình các quy định liên quan tới việc xoá bỏ tình trạng hai hay nhiều quốc tịch nhưng Định ước cũng đã thể hiện nhận thức và mong muốn của các quốc gia trong việc giải quyết vấn đề người hai hay nhiều quốc tịch.

Với giá trị ràng buộc về mặt pháp lí cao hơn, Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột luật quốc tịch cũng đã dành khá nhiều quy định để cập tình trạng người hai hay nhiều quốc tịch. Cụ thể:

- Thứ nhất, Công ước xác lập nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu khi giải quyết các vấn đề liên quan đến người hai hay nhiều quốc tịch. Điều 5 Công ước quy định: Tại nước thứ ba, người có nhiều quốc tịch sẽ được coi như chỉ có một quốc tịch. Nước thứ ba sẽ chỉ công nhận duy nhất một quốc tịch trong số các quốc tịch mà người đó có hoặc công nhận quốc tịch của nước mà người đó thường trú

và cư trú chủ yếu hoặc quốc tịch của nước mà lúc đó trên thực tế người đó có mối quan hệ gắn bó nhất.

Nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu được ghi nhận trong Công ước La Haye năm 1930 có ý nghĩa rất quan trọng. Về mặt pháp lý, người hai hay nhiều quốc tịch có thể vẫn được coi là công dân của các quốc gia mà họ mang quốc tịch. Nhưng với quy định của Công ước La Haye năm 1930, khi phát sinh trên thực tế phải xác định địa vị pháp lý cụ thể của người hai hay nhiều quốc tịch để giải quyết các vấn đề như lựa chọn luật áp dụng điều chỉnh quan hệ nhân thân, tài sản; xác định thẩm quyền bảo hộ công dân... thì quốc gia thứ ba (ở đây có thể hiểu là quốc gia mà người này không mang quốc tịch) sẽ coi người hai hay nhiều quốc tịch mang một quốc tịch duy nhất của quốc gia nơi người đó thường trú hoặc cư trú chủ yếu hoặc quốc gia mà người đó gắn bó nhiều nhất. Trong thực tiễn quan hệ quốc tế, để xác định nơi mà người hai hay nhiều quốc tịch gắn bó nhiều nhất, các quốc gia thường dựa trên các tiêu chí như thời gian cư trú, các mối quan hệ nhân thân, tài sản, nghề nghiệp, nơi thực tế hưởng và thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân...

- Thứ hai, Công ước xác lập nguyên tắc bảo hộ ngoại giao đối với người hai hay nhiều quốc tịch, theo đó: Một quốc gia không được bảo hộ ngoại giao cho công dân của mình tại quốc gia khác mà người này cũng có quốc tịch và hiện đang cư trú (Điều 4).

Trong luật quốc tế hiện đại, bảo hộ ngoại giao chính là những hoạt động mà quốc gia

tiến hành nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân nước mình ở nước ngoài trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia sở tại. Trong trường hợp thông thường, một công dân khi ở nước ngoài sẽ luôn có được sự bảo hộ của quốc gia mà họ mang quốc tịch như trợ giúp về tài chính khi gặp khó khăn; thăm hỏi lãnh sự khi bị bắt, bị giam; đấu tranh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia sở tại hoặc theo pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, đối với người hai hay nhiều quốc tịch, họ sẽ gặp nhiều bất lợi trong các vấn đề liên quan đến bảo hộ ngoại giao. Theo Điều 4 Công ước La Haye năm 1930, người hai hay nhiều quốc tịch sẽ không có được sự bảo hộ ngoại giao cần thiết của quốc gia mà họ là công dân khi đang cư trú trên lãnh thổ của quốc gia khác mà họ cũng mang quốc tịch. Chẳng hạn như công dân Trung Quốc đồng thời có quốc tịch Anh sẽ không có được sự bảo hộ ngoại giao của Nhà nước Trung Quốc khi công dân này cư trú ở Anh. Chính vì vậy, trong thực tiễn quan hệ quốc tế, các quốc gia thường hướng dẫn công dân nước mình khi đến những quốc gia mà họ cũng mang quốc tịch không nên trông chờ quá nhiều vào sự bảo hộ ngoại giao của quốc gia này để chống lại quốc gia kia.⁽⁴⁾

Việc xác lập nguyên tắc bảo hộ ngoại giao của Công ước La Haye năm 1930 là nhằm hạn chế những tranh chấp về thẩm quyền bảo hộ ngoại giao có khả năng phát sinh giữa các quốc gia liên quan đến người hai hay nhiều quốc tịch.

- Thứ ba, Công ước quy định nghĩa vụ cho các quốc gia phải tạo điều kiện thuận lợi cho người hai hay nhiều quốc tịch được thôi quốc tịch của quốc gia nếu người đó thường trú hoặc cư trú chủ yếu ở nước ngoài và nếu họ đáp ứng các điều kiện quy định trong pháp luật quốc gia về thôi quốc tịch (Điều 6).

- Thứ tư, để hạn chế tình trạng hai hay nhiều quốc tịch, Công ước còn quy định: Những quy định của pháp luật cho phép những người sinh ra trên lãnh thổ quốc gia được có quốc tịch của quốc gia sẽ không mặc nhiên áp dụng cho con của những người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao lãnh sự sinh ra trên lãnh thổ của quốc gia đó (Điều 12). Quy định này xuất phát từ đặc thù trong tính chất công việc của viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và yêu cầu về quốc tịch cũng như sự gắn bó của các viên chức này đối với quốc gia cử đại diện.

Ngoài các điều ước quốc tế đa phương về quốc tịch, các quốc gia còn kí kết các điều ước quốc tế song phương nhằm mục đích tạo khung pháp lí cho việc giải quyết các vấn đề quốc tịch của công dân quốc gia đồng thời có quốc tịch nước ngoài như Hiệp định Pháp - Bỉ 1949, Hiệp định Pháp - Italia 1953, Hiệp định Đan Mạch - Italia 1954⁽⁵⁾... Hầu hết các hiệp định song phương này đều quy định rằng nếu công dân nước kí kết này gia nhập quốc tịch nước kí kết khác thì sẽ mất quốc tịch nước này hoặc nếu công dân có hai hay nhiều quốc tịch thì phải lựa chọn để giữ lại một quốc tịch duy nhất.

Không chỉ giới hạn ở các điều ước quốc tế, song các quốc gia còn có những quy định

quốc gia còn hoàn thiện các quy định của pháp luật quốc gia liên quan đến người hai hay nhiều quốc tịch. Tuy nhiên, hiện nay các quốc gia vẫn có quan điểm khác nhau về vấn đề này. Dựa trên nguyên tắc quốc tịch được ghi nhận trong pháp luật quốc tịch của các quốc gia, có thể chia các quốc gia thành ba nhóm chính:

+ Nhóm thứ nhất gồm các quốc gia không thừa nhận tình trạng công dân quốc gia đồng thời mang hai hay nhiều quốc tịch. Các quốc gia này chủ trương thực hiện nguyên tắc một quốc tịch triệt để. Trong pháp luật quốc tịch của quốc gia đưa ra những quy định nhằm bảo đảm tối đa nguyên tắc một quốc tịch. Điển hình trong nhóm này phải kể đến Trung Quốc. Trong Luật quốc tịch Trung Quốc,⁽⁶⁾ nguyên tắc một quốc tịch được khẳng định ngay tại Điều 3: "*Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa không công nhận việc công dân Trung Quốc mang hai quốc tịch*".

So với luật quốc tịch của các quốc gia khác, Luật quốc tịch Trung Quốc đưa ra các điều kiện nhập quốc tịch tương đối mở đối với người nước ngoài và người không quốc tịch, theo đó người nước ngoài hoặc người không quốc tịch tình nguyện tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Trung Quốc đồng thời có một trong các điều kiện dưới đây thì có thể được nhập quốc tịch Trung Quốc: 1) có quan hệ thân thuộc gần gũi với công dân Trung Quốc; hoặc 2) đã định cư ở Trung Quốc; hoặc 3) có những lí do chính đáng khác (Điều 7). Tuy nhiên, để đảm bảo nguyên tắc một quốc tịch, Luật quốc tịch Trung Quốc

cũng quy định rõ người được nhập quốc tịch Trung Quốc không được giữ quốc tịch nước ngoài của họ (Điều 8); công dân Trung Quốc đã định cư ở nước ngoài và tự nguyện gia nhập quốc tịch nước ngoài sẽ đương nhiên mất quốc tịch Trung Quốc (Điều 9) và những người đã được trở lại quốc tịch Trung Quốc thì không được giữ quốc tịch nước ngoài nữa (Điều 13).

Giống như Luật quốc tịch Trung Quốc, luật quốc tịch của một số quốc gia khác như Nhật Bản, Thụy Điển, Hàn Quốc, Thái Lan, Đức... cũng có các quy định tương tự yêu cầu người nước ngoài muốn nhập quốc tịch của quốc gia thì phải từ bỏ quốc tịch gốc của mình và công dân của quốc gia nếu tự nguyện nhập quốc tịch của nước ngoài sẽ đương nhiên mất quốc tịch gốc. Ngoài ra, luật quốc tịch của các quốc gia, trong một số trường hợp còn đặt ra nghĩa vụ cho công dân của quốc gia phải tiến hành lựa chọn quốc tịch nếu họ rơi vào tình trạng hai hay nhiều quốc tịch. Chẳng hạn Luật quốc tịch Nhật Bản⁽⁷⁾ quy định: Người có quốc tịch Nhật Bản đồng thời có quốc tịch nước ngoài phải chọn một trong hai quốc tịch trước khi đủ 22 tuổi (Điều 14) và người đã tuyên bố chọn quốc tịch Nhật Bản phải có nghĩa vụ nỗ lực từ bỏ quốc tịch nước ngoài của mình (Điều 16).

Việc khẳng định nguyên tắc một quốc tịch trong pháp luật quốc tịch của các quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quốc gia trong việc thực hiện chủ quyền quốc gia đối với dân cư. Tuy nhiên, việc khẳng định này lại có thể mâu thuẫn với tình hình thực tế là

công dân của quốc gia vẫn có thể mang quốc tịch nước ngoài do cá nhân công dân đã lợi dụng những thiếu sót của pháp luật quốc gia để có được hai hay nhiều quốc tịch. Chẳng hạn như Điều 5 Luật quốc tịch Trung Quốc quy định: Trẻ em khi sinh ra sẽ mang quốc tịch Trung Quốc nếu cả cha, mẹ hoặc một trong hai người là công dân Trung Quốc mặc dù bản thân đứa trẻ được sinh ra ở nước ngoài. Với quy định này, đứa trẻ vẫn có thể vừa mang quốc tịch Trung Quốc vừa mang quốc tịch nước ngoài, nếu như quốc gia nơi đứa trẻ đó được sinh ra xác định quốc tịch gốc theo nguyên tắc quyền nơi sinh (như Hoa Kỳ, Canada, Australia...). Thực tiễn quản hệ quốc tế thời gian qua cho thấy mặc dù nhiều quốc gia đã khẳng định trong pháp luật quốc gia nguyên tắc một quốc tịch song vẫn không thể loại bỏ hoàn toàn tình trạng hai hay nhiều quốc tịch và hiện tượng công dân quốc gia đồng thời mang quốc tịch nước ngoài vẫn diễn ra khá phổ biến.

+ Nhóm thứ hai, gồm các quốc gia như Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Canada... không chính thức ghi nhận nguyên tắc một quốc tịch trong pháp luật quốc gia song vẫn có các quy định nhằm hạn chế tình trạng công dân quốc gia đồng thời có quốc tịch nước ngoài. Tuy nhiên, sự hạn chế này chỉ mang tính tương đối và trong một số trường hợp nhất định công dân quốc gia vẫn được đồng thời có quốc tịch nước ngoài (nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo). Người nước ngoài nhập quốc tịch của những quốc gia này không bắt buộc phải từ bỏ quốc tịch gốc của

mình. Công dân quốc gia sau khi được nhập quốc tịch nước ngoài không đương nhiên mất quốc tịch gốc và người đó có thể trở thành người hai quốc tịch.

Theo Luật nhập cư và quốc tịch Hoa Kỳ,⁽⁸⁾ một cá nhân sẽ được nhập quốc tịch Hoa Kỳ nếu thoả mãn các điều kiện: 1) Biết tiếng Anh, lịch sử, các nguyên tắc và hình thức tổ chức chính quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ; 2) Không phải là những người chống đối Chính phủ hoặc không tuân thủ pháp luật hoặc những người ủng hộ các hình thức cai trị độc tài; 3) Đã cư trú liên tục ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ít nhất là 5 năm; 4) Tư cách đạo đức tốt, trung thành với các nguyên tắc của Hiến pháp và có cảm tình với Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Với các quy định nêu trên, pháp luật Hoa Kỳ không bắt buộc cá nhân nhập quốc tịch Hoa Kỳ phải từ bỏ quốc tịch cũ của mình. Tuy nhiên, công dân Hoa Kỳ có thể sẽ mất quốc tịch Hoa Kỳ nếu tự nguyện có quốc tịch nước ngoài theo đơn xin nhập quốc tịch của bản thân hoặc theo đơn do người đại diện được uỷ quyền hợp thức viết và việc nhập quốc tịch nước ngoài này được thực hiện với ý định từ bỏ quốc tịch Hoa Kỳ (Điều 349).

Thừa nhận nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo sẽ giúp cho các quốc gia linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề về dân cư. Chẳng hạn, đối với những người nước ngoài có công trạng đối với quốc gia hoặc có lợi cho quốc gia về các phương diện kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật... thì quốc gia có thể cho họ hai

hay nhiều quốc tịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong việc hưởng quyền và gánh vác nghĩa vụ đối với các quốc gia mà họ là công dân. Đối với các trường hợp khác, không có lợi cho quốc gia thì vẫn yêu cầu cá nhân phải từ bỏ (hoặc đương nhiên mất) quốc tịch cũ khi nhập quốc tịch mới nhằm đảm bảo sự gắn bó thực sự của người đó với quốc gia họ xin gia nhập quốc tịch. Cách giải quyết này là sự kết hợp hài hoà giữa việc đảm bảo chủ quyền quốc gia đối với dân cư và quyền, lợi ích của cá nhân trong việc lựa chọn duy trì mối liên hệ pháp lý giữa người đó với quốc gia cụ thể. Đây cũng là cách thức giải quyết hiện nay được nhiều quốc gia thừa nhận trong đó có Việt Nam. Theo Điều 4 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008: “*Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác*”. Khoản 3 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 tiếp tục khẳng định: Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những trường hợp đặc biệt được Chủ tịch nước cho phép.

+ Nhóm thứ ba gồm một số quốc gia chính thức thừa nhận nguyên tắc hai hay nhiều quốc tịch trong pháp luật quốc gia. Chẳng hạn, theo Điều 9 Luật quốc tịch Latvia: “*Việc mang hai quốc tịch không làm ảnh hưởng tới một cá nhân khi người này đã được công nhận là công dân Latvia. Nếu công dân Latvia đồng thời mang quốc tịch nước ngoài thì trong mối quan hệ pháp lý với Cộng hoà Latvia họ sẽ được coi là công dân*

Latvia”.⁽⁹⁾ Các quy định tương tự cũng được đề cập tại khoản 2 Điều 2 Luật quốc tịch Hungary⁽¹⁰⁾ và Điều 2 Luật quốc tịch Slovenia.⁽¹¹⁾ Tuy nhiên, hiện nay trong quan hệ quốc tế số lượng các quốc gia chính thức thừa nhận nguyên tắc hai quốc tịch không nhiều, bởi lẽ hệ quả việc thừa nhận này thường dẫn đến những tranh chấp rất phức tạp, khó giải quyết, nhiều khi gây ảnh hưởng không tốt trong quan hệ giữa các quốc gia liên quan.

Tóm lại, hai hay nhiều quốc tịch là tình trạng pháp lý hết sức đặc biệt trong quan hệ quốc tế. Việc các quốc gia thừa nhận hay không thừa nhận chính thức về mặt pháp lý tình trạng hai hay nhiều quốc tịch là quyền của mỗi quốc gia xuất phát từ chủ quyền quốc gia đối với dân cư. Tuy nhiên, không phủ nhận thực tế là hiện nay tình trạng công dân của quốc gia đồng thời mang hai hay nhiều quốc tịch đang diễn ra ngày càng phổ biến và gây rất nhiều khó khăn cho quốc gia trong việc quản lý dân cư. Giải pháp tốt nhất cho vấn đề này không chỉ dừng lại ở nỗ lực của từng quốc gia mà cần phải có sự hợp tác quốc tế để hạn chế tình trạng hai hay nhiều quốc tịch và phối hợp giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh liên quan đến người hai hay nhiều quốc tịch như bảo hộ công dân, lựa chọn luật áp dụng... Việt Nam cũng là một trong những quốc gia có số lượng tương đối lớn công dân đồng thời mang hai hay nhiều quốc tịch. Chính vì vậy, ngoài việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quốc tịch, Việt Nam cũng nên nghiên cứu khả năng đàm phán kí kết các điều ước quốc tế

song phương cũng như tham gia các điều ước đa phương nhằm phối hợp với các quốc gia liên quan giải quyết vấn đề công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài đặc biệt là đối với bộ phận công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài./.

(1). Công ước có hiệu lực từ ngày 1/7/1937. Xem: *Chuyên đề về Luật quốc tịch*, Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ tư pháp tháng 2 năm 1998.

(2). Công ước có hiệu lực từ ngày 28/3/1968. Nguồn <http://www1.umn.edu/humanrts/euro/ets43.html>

(3). Công ước có hiệu lực ngày 1.3.2000. Nguồn: <http://conventions.coe.int/Treaty/en/Treaties/Html/166.htm>

(4). Trong hộ chiếu của Hoa Kỳ cấp cho công dân của mình khi ra nước ngoài có ghi rõ “*Người hai quốc tịch khi đang ở trong phạm vi tài phán của một nước cũng coi họ là công dân, có thể bị chi phối bởi pháp luật của nước đó, bao gồm cả việc thực hiện nghĩa vụ quân sự*”.

(5). United Nations Treaty Series, Vol.93 (1951), tr.88; Vol.267 (1957), tr.89 và Vol.250 (1956), tr.43.

(6). Luật quốc tịch nước CHND Trung Hoa được thông qua ngày 10/9/1980 tại kì họp thứ 3 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa V. Nguồn <http://www.chinaembassy.org.nz/eng/lsqz/zgygflgd/t39423.htm>.

(7). Theo Luật số 147 ban hành ngày 4/5/1950 được sửa đổi bởi Luật số 268 năm 1952, Luật số 45 năm 1984, Luật số 89 năm 1993, Luật số 147 năm 2004 và Luật số 88 năm 2008. Nguồn: <http://www.moj.go.jp/ENGLISH/information/t30101.html>

(8). Xem: *Chuyên đề về Luật quốc tịch*, Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ tư pháp tháng 2 năm 1998.

(9). Nguồn http://www.uniset.ca/naty/latvia_en.htm

(10). Xem: http://www.coe.int/T/E/Legal_Affairs/Legal_cooperation/Foreigners_and_citizens/Nationality/Documents/National_legislation/Hungary%20Act%20LV%20of%201993.asp.

(11). Xem: http://www.coe.int/T/E/Legal_Affairs/Legal_cooperation/Foreigners_and_citizens/Nationality/Documents/National_legislation/Slovenia%20CitizenshipAct.asp.